

Đơn vị báo cáo:...

Biểu số 012-TTGS

Vốn điều lệ (hoặc vốn được cấp):...triệu VND

BÁO CÁO CẤP TÍN DỤNG ĐỂ ĐẦU TƯ, KINH DOANH CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

(Tháng.....năm.....)

Đơn vị tính: Triệu VND, %

STT	Tên khách hàng	CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước/Mã số thuế	Hạn mức	Tổng dư nợ cấp tín dụng	Giá trị tài sản bảo đảm	Phân loại nợ	Dự phòng rủi ro đã trích lập	Tổng dư nợ cấp tín dụng so với vốn điều lệ, vốn được cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp (=I.1+ I.2)							
I.1	Tổ chức							
I.1.1	Tên tổ chức 1							
I.1.2	Tên tổ chức 2							
...	...							
I.1.n								
I.2	Cá nhân							
I.2.1	Tên cá nhân 1							
I.2.2	Tên cá nhân 2							
...	...							

I.2.n	...							
II	Cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu (=II.1+ II.2)							
II.1	Tổ chức							
II.1.1	Tên tổ chức 1							
II.1.2	Tên tổ chức 2							
...	...							
II.1.n								
II.2	Cá nhân							
II.2.1	Tên cá nhân 1							
II.2.2	Tên cá nhân 2							
...	...							
II.2.n	...							
	Tổng cộng (=I+ II)							

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng (trừ Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân).

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN thông qua Cục Công nghệ thông tin.

3. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 25 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

3. Đơn vị nhận và duyệt báo cáo: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

4. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Cấp tín dụng, dư nợ cấp tín dụng được hiểu theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư 36/2014/TT-NHNN, Thông tư 19/2017/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khác có liên quan (nếu có).

- Cột (2): Ghi tên khách hàng được cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp.
- Cột (3): Ghi số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước đối với khách hàng là cá nhân, mã số thuế đối với khách hàng là tổ chức.
- Cột (4): Ghi hạn mức cấp tín dụng đơn vị báo cáo đã cấp cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp hoặc cổ phiếu tương ứng với Mục I, II đến cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo.
- Cột (5): Ghi dư nợ cấp tín dụng cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp hoặc cổ phiếu tương ứng với Mục I, II tại cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo.
- Cột (6): Ghi giá trị tài sản bảo đảm được định giá tại thời điểm gần nhất dùng để đảm bảo cho khoản cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp hoặc cổ phiếu tương ứng với Mục I, II.
- Cột (7): Ghi nhóm nợ của từng khách hàng tại kỳ phân loại gần nhất (sau khi đã điều chỉnh theo tham chiếu số liệu CIC), nhận các giá trị (1, 2, 3, 4, 5).
- Cột (8): Ghi số dư dự phòng cụ thể thực tế đã trích lập đối với từng khách hàng.
- Cột (9) = Cột (5) * 100/Vốn điều lệ (hoặc vốn được cấp). (Phần thập phân: lấy 02 số sau dấu phẩy, chỉ ghi giá trị, không ghi ký tự %). Ví dụ: 50,01% ghi là 50,01; 0,5% ghi là 0,50).

Ghi chú:

- Phân loại nợ là kết quả phân loại nhóm nợ sau khi tham chiếu nhóm nợ do CIC cung cấp.